

Số: 379 /KH-UBND

Huế, ngày 30 tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CAM KẾT THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH
KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH TOÀN CẦU ĐẾN NĂM 2030 (FP2030)
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Quyết định số 1559/QĐ-BYT ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch thực hiện Cam kết tham gia chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Cam kết FP2030);

Căn cứ Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình của tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 8128/UBND-XH ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1559/QĐ-BYT ngày 01/6/2026 của Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch thực hiện Cam kết tham gia Chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 của Chính phủ Việt Nam (FP 2030);

Căn cứ Công văn số 4379/BYT-CDS ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Bộ Y tế về việc triển khai Kế hoạch thực hiện Cam kết tham gia Chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030.

Để triển khai thực hiện Quyết định số 1559/QĐ-BYT ngày 01/6/2026 của Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch thực hiện Cam kết tham gia Chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030, Ủy ban nhân dân thành phố Huế ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Cam kết tham gia Chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Huế, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thực hiện hiệu quả Cam kết FP2030.
- Xác định nhiệm vụ cụ thể, trách nhiệm của các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị và các xã, phường trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Yêu cầu

a) Triển khai các nhiệm vụ bám sát nội dung Cam kết FP2030, lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch với Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình của tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) đến năm 2030 và các chương trình, đề án khác có liên quan tại địa phương.

b) Xác định rõ trách nhiệm, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thực hiện Kế hoạch.

c) Việc thực hiện các nhiệm vụ phải đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả và khả thi.

d) Bảo đảm nguồn lực cho việc thực hiện Kế hoạch.

II. NỘI DUNG

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm đầy đủ, đa dạng, kịp thời, an toàn, thuận tiện, công bằng, có chất lượng các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân, giảm nhu cầu chưa được đáp ứng của thanh niên, vị thành niên góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại.

- Giảm 2/3 số vị thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn so với năm 2025.

- 90% cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định, bao gồm cả khu vực ngoài công lập.

- 100% cấp xã tiếp tục triển khai cung ứng các biện pháp tránh thai phi lâm sàng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản.

- 100% cấp xã có cơ sở y tế cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình lâm sàng.

- Trên 95% cấp xã thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động người dân thực hiện kế hoạch hóa gia đình, sử dụng biện pháp tránh thai; hệ lụy của phá thai, nhất là đối với vị thành niên, thanh niên.

2. Phạm vi, đối tượng và thời gian thực hiện

- Phạm vi: Thực hiện trên địa bàn toàn thành phố.

- Đối tượng thụ hưởng: Nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ; trong đó chú trọng vị thành niên, thanh niên.

- Đối tượng tác động: Người dân; ban, ngành, đoàn thể; cán bộ y tế, dân số; tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2030.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Tăng cường tiếp cận các biện pháp tránh thai hiện đại

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách; quy trình, quy chuẩn, hướng dẫn chuyên môn, tiêu chuẩn kỹ thuật về cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo văn bản hướng dẫn của Trung ương.

- Lồng ghép nội dung kế hoạch hóa gia đình vào các chiến lược và chính sách về nâng cao năng lực và đáp ứng bền vững với biến đổi khí hậu và thiên tai.

- Tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi về sử dụng các biện pháp tránh thai cho các cá nhân và các cặp vợ chồng, đặc biệt là nam giới.

- Triển khai ứng dụng công nghệ số trong tổ chức cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

- Phát triển mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình bao gồm cơ sở công lập, ngoài công lập, các tổ chức xã hội và cộng đồng cho các cá nhân và cặp vợ chồng, đặc biệt trong điều kiện thiên tai và bệnh dịch.

+ Phổ cập dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tới mọi người dân đảm bảo công bằng, bình đẳng trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ, không phân biệt giới, người đã kết hôn, người chưa kết hôn để mỗi cá nhân, cặp vợ chồng tự nguyện quyết định số con, thời gian sinh con và khoảng cách giữa các lần sinh nhằm nâng cao chất lượng dân số. Đảm bảo hỗ trợ phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo (bao gồm cả các cặp vợ chồng, người đơn thân, vị thành niên, thanh niên); đối tượng bảo trợ xã hội; người làm việc trên biển trước khi đi biển dài ngày (từ 15 ngày trở lên) và khi cập bờ vào các âu thuyền tại các xã ven biển có từ 200 người trở lên làm việc trên biển; Đối tượng thuộc các thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 10/01/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế.

+ Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình cho công nhân khu công nghiệp.

+ Dự báo nhu cầu phương tiện tránh thai hàng năm, nhằm đáp ứng kịp thời, đầy đủ cho nhu cầu của từng nhóm đối tượng.

- Đào tạo cập nhật kỹ năng thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho đội ngũ cán bộ cung cấp dịch vụ công lập, ngoài công lập, các tổ chức xã hội và cộng đồng (bao gồm các cơ sở cung cấp dịch vụ, cơ sở bán lẻ thuốc).

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực, sự tham gia của cộng đồng, tổ chức xã hội, các tổ chức liên quan.

+ Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia chương trình; huy động toàn bộ hệ thống y tế, dân số tham gia thực hiện chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao; ưu tiên bảo đảm hoạt động ở tuyến cơ sở, đặc biệt vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Có cơ chế xã hội hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia tuyên truyền, tư vấn, cung cấp dịch vụ kế hoạch hoá gia đình và phân phối phương tiện tránh thai, hàng hóa sức khỏe sinh sản trên địa bàn thành phố theo phân khúc thị trường; khuyến khích sự tự nguyện chi trả dịch vụ kế hoạch hoá gia đình và chi phí mua phương tiện tránh thai của người dân.

- Thử nghiệm, phổ biến các kỹ thuật mới, hiện đại nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình khi có văn bản hướng dẫn của Trung ương.

3.2. Giảm có thai ngoài ý muốn ở thanh niên vị thành niên

- Thu thập số liệu sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình của vị thành niên, thanh niên, đặc biệt ở các nhóm dân số yếu thế để vận động nguồn lực, lập kế hoạch và tổ chức cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình có chất lượng cho những nhóm đối tượng trên.

- Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, từng lứa tuổi.

+ Xây dựng chương trình và tài liệu giáo dục dân số, sức khỏe tình dục, giới và giới tính phù hợp với từng cấp học sau khi có văn bản hướng dẫn của Trung ương.

+ Tăng cường tích hợp nội dung giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong các môn học và hoạt động giáo dục, phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi. Mục tiêu của giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản phải bảo đảm trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản, có hệ thống về cấu tạo, cơ chế hoạt động của các cơ quan sinh sản ở người, chăm sóc sức khỏe sinh sản; phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, vô sinh và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; định hình giá trị mỗi gia đình nên có đủ hai con vì lợi ích gia đình và tương lai bền vững của đất nước.

- Triển khai các hình thức cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình thân thiện cho vị thành niên, thanh niên tại các cơ sở y tế trong, ngoài công lập sau khi có văn bản hướng dẫn của Trung ương.

- Thí điểm mô hình cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình phù hợp với từng nhóm đối tượng vị thành niên, thanh niên và theo từng địa bàn, chú trọng vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó tăng cường sự tham gia của vị thành niên, thanh niên trong quá trình thiết kế và triển khai mô hình để phù hợp với nhu cầu cụ thể của những nhóm đối tượng trên sau khi có văn bản hướng dẫn của Trung ương.

- Tăng cường chất lượng tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ tại các cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

+ Tập huấn kỹ năng truyền thông tư vấn cho cán bộ y tế cơ sở nhằm tăng cường chất lượng tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ tại các cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hoá gia đình.

+ Tập huấn kỹ năng truyền thông tư vấn tại cộng đồng về tình dục an toàn, hệ lụy của phá thai, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh tại cộng đồng.

- Đào tạo, tập huấn cho người cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên, thanh niên. Hàng năm tổ chức đào tạo, tập huấn cho người cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên, thanh niên, cũng như tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tư vấn, theo dõi, quản lý đối tượng và cung cấp biện pháp tránh thai phi lâm sàng tại cộng đồng.

- Tiếp tục công tác truyền thông, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi của cha mẹ, gia đình, xã hội và cộng đồng về dân số, kế hoạch hóa gia đình đối với vị thành niên, thanh niên thông qua hội nghị, hội thảo, tập huấn, nói chuyện chuyên đề, tư vấn cộng đồng, sinh hoạt câu lạc bộ,...

3.3. Tăng cường chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

- Củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình ở các cấp; đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, đặc biệt ưu tiên cho khu vực miền núi, dân tộc thiểu số và các khu công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp có nhiều lao động trẻ.

+ Rà soát, củng cố và kiện toàn mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, bổ sung trang thiết bị, phương tiện tránh thai và hàng hóa sức khỏe sinh sản để đảm bảo các cơ sở y tế tuyến cơ sở đủ năng lực thực hiện dịch vụ kế hoạch hoá gia đình theo quy định.

+ Nâng cao năng lực cơ sở y tế thực hiện dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, chú trọng các đơn vị khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi để đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cho tuyến y tế cơ sở thực hiện dịch vụ kế hoạch hoá gia đình.

+ Củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hoá gia đình theo hướng đảm bảo các cơ sở y tế tuyến cơ sở đủ điều kiện theo quy định được cung cấp tất cả các loại dịch vụ kế hoạch hoá gia đình.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên y tế cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình ở các tuyến.

+ Xây dựng kế hoạch tổng thể để phát triển và nâng cao chất lượng các cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hoá gia đình theo các mục ưu tiên, trong đó chú trọng triển khai các dịch vụ có chất lượng cao.

+ Hàng năm tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên y tế cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

- Thử nghiệm, phổ biến các kỹ thuật mới, hiện đại nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và tăng khả năng lựa chọn các biện pháp tránh thai cho người sử dụng sau khi có văn bản hướng dẫn của Trung ương.

- Kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về công tác kế hoạch hóa gia đình thông qua các bộ công cụ đánh giá nhanh về chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tại các tuyến. Xây dựng các bộ công cụ giám sát hỗ trợ cộng tác viên dân số; chất lượng phương tiện tránh thai, cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, trong đó bao gồm cả sự tôn trọng quyền lựa chọn của khách hàng và sự hài lòng của khách hàng tới chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình sau khi có văn bản hướng dẫn của Trung ương.

3.4. Tăng cường cung cấp biện pháp tránh thai phi lâm sàng

- Đa dạng hóa sản phẩm phương tiện tránh thai phi lâm sàng, bảo đảm nguồn cung ổn định tại tuyến cơ sở.

- Nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng tư vấn, theo dõi, quản lý đối tượng sử dụng biện pháp tránh thai phi lâm sàng cho đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản.

- Phối hợp ban ngành, đoàn thể như hội phụ nữ, đoàn thanh niên, hội nông dân, những người có uy tín trong cộng đồng... trong công tác tuyên truyền, vận động người dân sử dụng biện pháp tránh thai phi lâm sàng tại cộng đồng.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

- Thí điểm mô hình cung cấp dịch vụ phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn sau khi có văn bản hướng dẫn của Trung ương.

3.5. Tăng cường cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình lâm sàng tại tuyến xã

- củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình ở tuyến xã; đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên y tế cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tuyến xã.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

- Hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

+ Xây dựng hệ thống chỉ tiêu, chỉ báo và chế độ báo cáo về quản lý hậu cần phương tiện tránh thai và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình từ thành phố đến cơ sở.

+ Tổ chức tập huấn cho cán bộ phụ trách quản lý hậu cần phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tuyến cơ sở.

+ Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý hậu cần phương tiện tránh thai của cơ sở.

3.6. Tăng cường tuyên truyền, vận động người dân thực hiện kế hoạch hóa gia đình, sử dụng biện pháp tránh thai

- Đa dạng hóa các loại hình truyền thông, đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động với nhiều hình thức phong phú, sinh động, hấp dẫn và thuyết phục. Nâng cao hiệu quả của truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, chú trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thông đa phương tiện, internet, trang điện tử, mạng xã hội, điện thoại di động,... Sử dụng hợp lý các loại hình văn hoá, văn nghệ, giải trí nhằm tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi về sử dụng các biện pháp tránh thai, góp phần nâng cao chất lượng dân số cho các cá nhân và các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ. Chuyển tải các nội dung, tài liệu truyền thông về kế hoạch hoá gia đình từ bản tin sang bản điện tử đưa lên mạng internet; biên soạn và phát hành các sản phẩm truyền thông như tờ rơi, pano, băng rôn, áp phích, sách mỏng, băng đĩa,... Tuy nhiên cũng cần quan tâm các hoạt động truyền thông trực tiếp tại nhà, tại cộng đồng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản,...

- Tăng cường áp dụng công nghệ hiện đại, internet, mạng xã hội trong tuyên truyền, vận động và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình thông qua tăng cường, tương tác giữa người cung cấp dịch vụ và người sử dụng dịch vụ bao gồm cả cơ chế phản hồi của khách hàng nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình của người dân.

- Lồng ghép với các hoạt động truyền thông của các chương trình, kế hoạch hoạt động khác của địa phương.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tư vấn cho các cá nhân và các cặp vợ chồng để họ có thể chủ động và tự nguyện thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách địa phương: Kinh phí thực hiện Kế hoạch được lồng ghép trong Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình đến năm 2030 và các chương trình, đề án khác có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời được bố trí trong dự toán chi của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách hằng năm. Việc triển khai thực hiện Kế hoạch được lồng ghép với các nhiệm vụ, hoạt động đã được

phê duyệt tại Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế; Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 10/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 26/02/2021 và Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Ngân sách Trung ương

Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035 giao cho thành phố Huế (nếu có).

3. Ngân sách từ các nguồn hợp pháp khác (nếu có)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Làm đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai các nội dung của Kế hoạch đã được phê duyệt; lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch triển khai thực hiện Cam kết tham gia Chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Huế với các nội dung của Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 và các chương trình, đề án khác có liên quan ở địa phương, nhằm bảo đảm triển khai đồng bộ, kịp thời, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 1559/QĐ-BYT ngày 01/6/2026.

- Theo dõi, đôn đốc các cơ quan liên quan và hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Hằng năm tổng hợp báo cáo lồng ghép với các hoạt động Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và các chương trình, đề án khác có liên quan để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Huế và Bộ Y tế (Cục Dân số).

- Tổ chức tổng kết việc thực Kế hoạch triển khai thực hiện Cam kết tham gia Chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Huế (Cam kết FP 2030) và gửi báo cáo về Ủy ban nhân dân thành phố Huế, Bộ Y tế (Cục Dân số) **trước ngày 15/12/2030**.

2. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành; bảo đảm lồng ghép với Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 và các chương trình, đề án có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp từng cấp học, từng lứa tuổi cho học sinh, sinh viên, nhất là trong các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, bảo đảm hình thành kiến thức và kỹ năng đúng đắn có hệ thống cho thế hệ trẻ.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp các cơ quan báo chí trên địa bàn, Trung tâm Giám sát điều hành đô thị thông minh Huế (IOC) đẩy mạnh tuyên truyền thường xuyên, liên tục các nội dung về kế hoạch hoá gia đình; ngày tránh thai thế giới (26/9) hằng năm trên các nền tảng số.

5. Sở Nội vụ

Lồng ghép thực hiện các hoạt động tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình cho người dân tại các xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vào nội dung giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống thuộc nội dung số 03, nội dung thành phần số 03, hợp phần thứ hai, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030; Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai, thực hiện các chương trình, đề án liên quan đến hoạt động tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình cho người dân tại các xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Huế và các tổ chức thành viên của Mặt trận; Hội Kế hoạch hoá gia đình thành phố Huế trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình, tham gia triển khai việc thực hiện Kế hoạch này.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và nội dung của Kế hoạch triển khai thực hiện Cam kết tham gia Chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Huế để xây dựng Kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, đề án khác có liên quan trên địa bàn, bảo đảm đồng bộ, kịp thời, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp quy định tại Kế hoạch này.

- Ban hành theo thẩm quyền về hỗ trợ, khuyến khích thực hiện kế hoạch hoá gia đình; bố trí kinh phí, xác định mục tiêu về phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình; đẩy mạnh xã hội hóa phù hợp với điều kiện của địa phương trong dự toán ngân sách hằng năm đã được phân cấp theo quy định.

- Hằng năm tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện Cam kết FP2030 lồng ghép với các hoạt động Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và các chương trình, đề án khác có liên quan tại địa phương gửi về Sở Y tế thành phố Huế theo quy định.

- Tổ chức tổng kết việc thực hiện Cam kết FP2030 và gửi báo cáo về Sở Y tế thành phố Huế **trước ngày 15/11/2030** để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Huế và Bộ Y tế (Cục Dân số).

V. CHẾ ĐỘ BÁO BÁO

Yêu cầu Giám đốc các sở, ban ngành, thủ trưởng cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Huế và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng, thẩm quyền và nhiệm vụ được giao xây dựng Kế hoạch triển khai lồng ghép với các hoạt động Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và các chương trình, đề án khác có liên quan và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện **trước ngày 15/11 hằng năm** gửi về Sở Y tế thành phố Huế để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Huế và Bộ Y tế (Cục Dân số).

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Cam kết tham gia Chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Huế. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các sở, ban ngành, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Huế (thông qua Sở Y tế) để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (để báo cáo) ;
- Cục Dân số;
- CT và các PCT UBND thành phố Huế;
- Các đơn vị có tên tại mục IV;
- VP: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, DL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hữu Thuỳ Giang